

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phương

2. Ông Phạm Thanh Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Hoài T, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Hoài T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013, quyển số 01/2013 ngày 03/7/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị T đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, quen biết và chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác, anh có

khuyên nhiều lần nhưng chị T không trở về đoàn tụ. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, anh có trao đổi là anh sẽ yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn, gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng anh hàn gắn nhưng cũng không hàn gắn được. Ngoài ra vợ chồng tính tình cũng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Hoài T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Võ Thị Thiện N, sinh ngày 13/01/2015 và Võ Thị Thiện T, sinh ngày 04/4/2019. Hiện nay, cháu N và cháu T đang sống cùng với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 10/01/2022, bị đơn chị Huỳnh Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn từ năm 2013 hôn nhân do tự tìm hiểu, quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Võ Thị Thiện N, sinh ngày 13/01/2015 và Võ Thị Thiện T, sinh ngày 04/4/2019. Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cự cãi với nhau về tiền bạc và nhiều việc khác trong cuộc sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh C ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng và gia đình hai bên đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không hàn gắn được.

Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục sống chung được nữa, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Võ Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Võ Thị Thiện N, sinh ngày 13/01/2015 và Võ Thị Thiện T, sinh ngày 04/4/2019. Hiện nay, cháu N và cháu T đang sống cùng với anh C. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh C được trực tiếp nuôi cháu N và cháu T, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh C xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau, do chị T chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Ngoài ra, anh có trao đổi với chị T về việc ly hôn này và chị T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Anh Võ Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn chị Huỳnh Hoài T nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Chị T có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh C và chị T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế anh C và chị T đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Anh chị ly thân từ tháng 03/2021 đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh C yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và anh từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, anh C cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía chị T đồng ý ly hôn với anh C. Ngoài ra, những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa thì chị T đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, chị T không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Anh C và chị T có 02 (hai) con chung là Võ Thị Thiện N, sinh ngày 13/01/2015 và Võ Thị Thiện T, sinh ngày 04/4/2019. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và chị T cũng đồng ý. Ngoài ra, cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh C. Hiện nay, anh C có công việc ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cháu N và cháu T. Vì vậy, nhằm đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N và cháu T cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh C, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Văn C được ly hôn với chị Huỳnh Hoài T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 03/7/2013 cho anh Võ Văn C và chị Huỳnh Hoài T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Võ Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Thiện N, sinh ngày 13/01/2015 và Võ Thị Thiện T, sinh ngày 04/4/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Anh C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003370 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên anh C không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Võ Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Huỳnh Hoài T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên